

ĐỊNH MỆNH

Bùi Trọng Huỳnh

Sau loạt bài viết về DUYÊN NỢ TRUYỀN TIN của Đại tá Nguyễn-Huy Hùng đăng trên các bản tin Trần Nguyên Hãn, tôi đã có lần lỡ hứa với anh Nguyễn Sơn, lúc đó đang làm Hội trưởng Hội Ái hữu Truyền Tin là sẽ viết một bài về Định Mệnh, cũng như để bày tỏ đôi dòng tâm sự với các thân hữu trong ngành Truyền Tin mà tôi đã cùng chung phục vụ ròng rã 20 năm trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH). Nán ná mãi cả mấy năm nay không viết vì ngần ngại là bút ký loại “tự truyện” này khó tránh được thường tình là thiếu vô tư, nên dễ bị rơi vào tình trạng “đẹp tốt phô ra, xấu xa đậy lại” mà người đời thường nói “cái tôi đáng ghét” (le moi est haisable); mặt khác, vì không quen viết nên lời văn không khỏi nhàm chán phản ảnh của cuộc sống khô khan mà tôi đã trải qua. Nay đến lượt anh Nguyễn Bé, đương kim Hội trưởng cũng khuyến khích viết bài cho đặc san ấn hành vào dịp xuân Quý Mùi (2003), do đó mà tôi mạnh dạn góp phần với các bạn đang xả thân gánh vác việc điều hành Hội, hầu cố gắng giữ được mỗi dây liên lạc “huynh đệ chi binh” trong cảnh ly hương này.



Sinh trưởng tại Thái Nguyên, thưở thiếu thời sống dưới mái gia đình cho đến đầu thập niên 1940 ở miền Trung Du Bắc Việt và đó cũng là thời kỳ sung sướng nhất trong niền vô tư và hồn nhiên. Sau đó thân phụ của tôi được đổi về làm Trưởng Ty Địa Chính (Service du Cadastre) ở Phủ Lư (Hà Nam), gia đình về xuôi và tôi đã học hết Tiểu học, đậu bằng Certificat (CEPFI) tại đó. Bắt đầu lên Trung học thì phải về Hà Nội và cũng khởi sự một quãng đời có nhiều dao động, hầu như không năm học nào được yên ổn trọn năm, lúc thì phải theo trường Trung học Louis Pasteur ra vùng ngoại ô Hà Nội (Cầu Giấy); rồi một thời gian trường lại di chuyển về Kẻ Sở cách Phủ Lư khoảng 8 cây số (5 miles). Lúc đó mấy anh em tôi được trọ học tại chỗ và mỗi cuối tuần thì đi bộ về thăm gia đình. Vào khoảng đầu năm 1945 lại trở về Hà Nội học cho đến cuối năm 1946 thì chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, gia đình tôi phải tản cư về quê nhà ở Ninh Bình. Rồi năm sau, nhân trường Trung học Nguyễn Khuyến ở Nam Định di tản về Yên Mô, Ninh Bình, cách quê khoảng 16 cây số, nên mấy anh em chúng tôi lại được đi trọ học và cứ cuối tuần thì rủ nhau đi bộ về quê nhà. Có lẽ hồi đó có dịp đi bộ như vậy nên sức khỏe được kể như là thượng thặng. Thời kỳ trọ học ở Yên Mô này cũng khá thú vị, vì hai anh em tôi cùng với bốn anh em con chú, bác ruột, tổng cộng là sáu người, mỗi người học ở một lớp nên kể như bất kỳ chuyện gì xảy ra trong “đám học trò” là anh em chúng tôi đều biết cả, do đó mà chúng tôi được mệnh danh là “giới am hiểu”. Được hơn một năm học yên ổn, khá vui, bỗng một hôm vào đầu niên học 1949, quân đội viễn chinh Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm (Ninh Bình) ngăn cách trường học ở Yên Mô với quê nhà tôi. Năm anh em chúng tôi tìm đường chạy vòng ngược về quê nhà, lần mò đến hết ngày về được đến nhà thì trời đã tối hẳn; còn một người anh con ông bác tôi lúc đó đang đến chơi với gia đình

bạn gái (sau này cưới làm vợ) nên đã chạy với gia đình đó vào Thanh Hóa cùng với trường.

Gia đình chúng tôi ở quê nhà đương nhiên lọt vào vùng “tê” duy chỉ có bố tôi lúc đó làm trưởng Ty Địa Chính Nam Định bị lọt ra ngoài và sau đó cũng phải di tản vào Thanh Hóa theo “kháng chiến” và cũng nhờ thời kỳ 2 năm sinh hoạt ở Thanh Hóa mà bố tôi đã hiểu được cộng sản với những thủ đoạn xảo quyệt của chúng. Tạm thời sống ở quê nhà cho đến cuối hè 1950 tôi mới ra Hà Nội tiếp tục việc học và niên khóa 50-51 học tại trường Chu Văn An. Khi đó bác tôi (đã một thời làm Tuần Phủ Thái Nguyên 1944, rồi Phúc yên 1945) đã gọi hai anh họ tôi, trước kia cùng đi trọ học ở Yên Mô với chúng tôi, sang Pháp du học và bác an ủi tôi là “gia đình cháu đông anh em (7 trai, 2 gái) mà bố cháu còn bị kẹt ở Thanh Hóa, cháu ráng học cho xong tú tài II đi, nếu bố cháu lúc đó chưa về được thì các bác sẽ giúp đỡ cho cháu sang Pháp du học”. Phải chi nếu lúc đó tôi có đủ điều kiện để đi Pháp du học thì cuộc đời tôi đã hoàn toàn đổi ngược, vì lẽ hai anh con bác tôi sau khi học thành tài ở Pháp đã làm việc cho cộng sản miền Bắc: một hiện nay vẫn còn đang ở Hà Nội, còn một rất nổi tiếng với bằng Tiến sĩ Toán học và đã từng làm Giáo sư Đại học Paris, hiện còn ở Pháp với gia đình, nhưng hoàn toàn thiên về Xã Hội Chủ Nghĩa! Nhân đọc kỷ yếu VNCR 2002-2003, Vũ Ánh viết bài “Thông tin: hình thức cao nhất và hữu hiệu nhất của tuyên truyền” tôi rất đồng ý và cũng cảm thấy đáng tiếc là Việt Nam Cộng Hòa xưa kia đã không khai thác đúng mức lợi khí tuyên truyền nên rất nhiều nhân tài đã bị phe cộng sản dụ dỗ, lấy chiêu bài ái quốc hầu lờng gạt nghe theo và phục vụ cho chúng. Đến nay cộng sản vẫn còn dùng chiến lược đó để mà chiêu dụ Việt Kiều mang tiền của về nuôi dưỡng chế độ độc tài, dã man, vô nhân của họ. Xa hơn nữa cộng sản còn đang dùng chính sách tuyên truyền xảo trá, quỷ quyệt để phá tan các cộng đồng Việt Nam tỵ nạn mà điển hình là ở ngay Little Sài Gòn, California này, chúng ta cần phải thường xuyên đề cao cảnh giác.

Đến khoảng giữa năm 1951, bố tôi mới được cho về hưu và cụ vội vã tìm đường thoát khỏi nanh vuốt của bọn cộng sản, về quê ở Ninh Bình; và tôi còn nhớ năm đó mới thi xong vấn đáp tú tài I, chưa kịp xem bảng kết quả chính thức, tôi đã phải đưa mẹ tôi về quê đón bố tôi ra Hà Nội. Gia đình tôi trước kia không có ai đi về nghiệp võ mà thiên về hai ngành: giáo dục và y khoa là những nghề cao quý hơn cả, bởi lẽ dạy học là để “gây dựng tương lai”, còn nghề thầy thuốc là để “cứu nhân độ thế”. Ước vọng của tôi hồi còn ở tuổi học trò là sau này đi dạy học, nhưng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”, tháng 9 năm 1951 mới khởi đầu niên học chót ở trung học, tôi nhận được lệnh động viên đi học khóa 1 Sĩ Quan Trừ bị Nam Định.

Xếp bút nghiên lên đường tòng quân, gia nhập một khóa sĩ quan có lẽ là độc nhất vô nhị trong lịch sử quân đội vì những hành động chống đối: chẳng hạn như có lần “trùm chặn” cán bộ người Pháp trong buổi điếm danh tối để cho “ăn đờn hội chợ cảnh cáo”, những vụ làm reo vì thực phẩm quá tồi tệ và có một lần, một sĩ quan Pháp nói những lời chế giễu, khinh miệt bạn đồng đội (anh bạn Phạm ngọc Tỏa, sau này là bác sĩ Quân Y và hiện ở

Pháp) gần như cả trường đã mang vũ khí kéo nhau ra phố dàn quân, đòi hỏi phải có một sự xin lỗi, khiến các giới chức người Pháp ở Nam Định đã phải can thiệp và dàn xếp ổn thỏa. Đến khi mãn khóa, tốt nghiệp ở thứ hạng 13, tôi đã là người chót được lựa vào binh chủng Thiết Giáp ở miền Bắc sau anh Nguyễn Duy Hinh, thủ khoa (sau này là Thiếu tướng Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ Binh) và em họ tôi là Lương Bùi Tùng xếp thứ 10 (có một thời kỳ là Chỉ huy trưởng Thiết Giáp Binh). Cả 3 chúng tôi cùng thuộc Trung đội 1, Đại đội 1 nên Trung đội trưởng, Trung úy Pháo Binh Alain Deris (sau này là Thiếu tướng và hiện còn ở Paris) vội chạy ra phố mua 3 cặp lon trắng (ngành Thiết Giáp hồi đó còn theo Quân đội Pháp mang lon bạc chứ không phải lon vàng như Bộ binh) về tặng chúng tôi. Nhưng rồi số phận lại đẩy đưa tôi sang một lãnh vực khác là phải đi học và hành nghề Sĩ Quan Tế Mục Vụ vào thời kỳ các Tiểu đoàn Khinh Quân được thành lập theo nhu cầu cấp thời của Quân Đội.

Cuối năm 1953, tôi lập gia đình và đến đầu năm 1954 tôi được đổi về một đơn vị Truyền Tin mới thành lập là Đại Đội 8 Truyền Tin với chức vụ Sĩ Quan Tế Mục Vụ. Sau khi di cư vào Nam, đến năm 1955 nhân có khóa học điều chỉnh tôi mới được tham dự khóa căn bản Truyền Tin và chính thức gia nhập binh chủng Truyền Tin QLVNCH. Mãn khóa vào cuối năm thì được Thiếu tá Phạm Văn Tiến, Chỉ huy trưởng Viễn Thông Quân Khu 1 (sau này là Đại tá Cục trưởng Truyền Tin kiêm Trưởng Phòng 6/TTM) đề cử đi Cần Thơ làm Đại đội trưởng Đại đội 1 Truyền Tin Địa phương. Thật là một may mắn khi mới nhập binh chủng mà đã được giao phó một chức vụ chỉ huy như vậy, có lẽ vì Đại đội Truyền Tin Địa phương hồi đó có nhiệm vụ quản trị và tiếp vận nặng hơn là về kỹ thuật, mà tôi thì đã có nhiều kinh nghiệm và có bằng cấp Sĩ Quan Tế Mục Vụ cũng như có đủ điều kiện thâm niên nên đã được lựa chọn. Nhận lãnh chức vụ chỉ huy vào thời kỳ này là một thử thách rất lớn, một phần vì Quân Đội Quốc Gia mới tiếp nhận và thoát thân từ Quân đội Viễn chinh Pháp; phần khác có một sắc thái đặc biệt mà các Chỉ huy trưởng đơn vị phải thường xuyên đối phó là do việc đưa sinh hoạt chính trị của Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia vào trong các đơn vị, áp dụng chế độ Quân Ủy tương tự như công tác phê Bình kiểm thảo của các đơn vị quân đội cộng sản.

Tôi còn nhớ hồi đó, Trung tá Nguyễn Khương (sau này là Đại tá) CHT Viễn Thông QLVNCH đã điều động một cán bộ là Thiếu úy Hồng Đức về Đại đội 1 Truyền Tin Địa Phương để tổ chức Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, nhưng đương sự đã thất bại ở đơn vị này với kết quả lãnh 30 ngày trọng cấm thọ phạt tại Trường Cây Mai và thuyên chuyển ra khỏi binh chủng TT. Sau hơn một năm chỉ huy đơn vị này, nhân có khóa học Đại Đội Truyền Tin tại Fort Monmouth (New Jersey) tháng 9/56, tôi đã xin được tham dự. Trung tá Khương có bảo Đại úy Hà Quang Giác (sau này là Trung tá) lúc đó là Tham Mưu Trưởng BCH/VT điện thoại cho tôi nói là Trung tá CHT có ý định để tôi tiếp tục chỉ huy Đại Đội này thêm một thời gian nữa, nhưng tôi đã cương quyết xin được đi du học. Dư luận xôn xao trong đơn vị định làm kiến nghị xin giữ tôi ở lại, tôi phải giải thích công khai trong buổi học tập hàng tuần của đơn vị là “nếu anh em thực tình thương mến thì nên để tôi đi du học vì đó là một đặc ân đối với tôi và nếu làm kiến nghị thì tôi có thể bị

hiều lắm là giả bộ xin đi nhưng ngầm xúi giục anh em làm như vậy”. Kết quả là tôi đã được toại nguyện đi du học 2 khóa liên tiếp từ 9/1956 đến hết tháng 6/1957.

Qua những dịp lễ Thanksgiving và Christmas năm 1956, theo thông lệ trường Fort Monmouth thông báo cho các gia đình trong khoảng 60 miles, để họ tùy khả năng, mời các Sĩ quan Đồng minh đang học ở trường đến chung vui với gia đình họ, để đôi bên tìm hiểu phong tục tập quán của nhau và cũng để gây thiện cảm giữa nhà trường và dân cư quanh vùng. Nhân khóa học có đồng anh em lại thêm một số anh em thông dịch viên, tổng cộng lên đến 40 người. Đại úy Lại Đức Nhung (sau này là Trung tá) lúc đó được Đại tá Nguyễn Khương CHT/VT chỉ định làm Trưởng Đoàn, đã mời họp và tất cả các anh em đã đồng ý tổ chức Tết Đinh Dậu tại Gibbs Hall để mời đáp lễ các gia đình Mỹ trong vùng lân cận và các Sĩ Quan cán bộ của trường. “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, nhờ có sự đồng lòng hưởng ứng nên năm đó Tết Việt Nam tổ chức trên đất Mỹ đã được thể hiện rất náo nhiệt, vui vẻ, kết thúc bằng một buổi khiêu vũ hóa trang rất đậm âm thân mật và gây được một ấn tượng thật tốt đẹp. Mãn khóa và hồi hương vào tháng 7 năm 1957, tôi được bổ nhiệm làm Sĩ quan Truyền Tin Sư đoàn 1 Bộ Binh ở Huế, thay thế cho Đại úy Nguyễn Văn Kha mới bị Đại tá Tôn Thất Đính (sau này là Trung tướng) Tư Lệnh Sư đoàn vác ba toong đuổi chạy trốn dưới gầm xe dodge TT, thời kỳ này tôi đã phải trải qua nhiều thử thách để lấy lại uy tín cho Truyền Tin đối với Bộ Tham Mưu Sư Đoàn. Đến cuối năm 1958, tôi được cử kiêm nhiệm CHT/VTQK2 thay thế cho Đại úy Nguyễn Bá Di (sau này là Trung tá) về làm Tham Mưu Trưởng BCH/VT dưới quyền Trung tá Khổng Văn Tuyển CHT/VT/QLVNCH (sau này là Đại tá Giám đốc Nha Viễn Thông Bộ Nội Vụ).

Nay ngồi suy ngẫm lại quãng đời phục vụ trong Binh Chung 20 năm (1955-1975) thì 10 năm trước đã ứng với tuổi ngựa (Canh Ngọ) đi từ Nam chí Bắc, năm nào cũng có chuyến chuyển và đã 3 lần khoảng 3-4 tháng: SQTТ/SĐ1BB kiêm CHT/Viễn Thông Quân Khu 2 (1958), SQTТ/QĐIII kiêm CHT Viễn Thông Quân Khu Thủ Đô (1960), Liên đoàn trưởng Liên đoàn 61 Truyền Tin kiêm Trưởng Phòng 6 QĐI (1963). Còn lại 10 năm sau thì quanh quẩn ở Trung Ương, hai lần đổi ra miền Trung, lần trước ở Huế và lần sau ở Đà Nẵng.

Khoảng giữa năm 1964, một ngày đẹp trời, Đại tá Tạ Thái Bình mới về nhậm chức Giám đốc Nha truyền Tin, thay thế Trung tá Khổng Văn Tuyển, đã đích thân điện thoại hỏi tôi là có còn thích được đổi về Sài Gòn không? Tất nhiên là có, và thú thực việc đó làm tôi rất cảm động vì được anh nhớ tới, cũng chỉ vì một lời nói đùa từ rất lâu nhân một buổi họp tại BCH Viễn Thông, khi ngồi cạnh nhau, lúc đó anh còn là Thiếu tá và tôi là Đại úy, anh nói nhỏ với tôi: “Khi nào tôi làm Chỉ Huy Trưởng, tôi sẽ đưa anh về làm Tham mưu trưởng”. Liên sau đó, tôi được chuyển về Sài Gòn, gần gia đình và được đặt vào chức vụ Chánh Sự Vụ Sở Tiếp Vận Nha Truyền Tin.

Theo nhu cầu cải tổ của Bộ Tổng Tham Mưu, Nha Truyền Tin được biên cải thành Cục Truyền Tin kiêm Bộ Chỉ Huy Binh Chung Truyền Tin Lục Quân. Và sau cùng, kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1975 thì tách khỏi Tổng Cục Tiếp Vận trở lại thành Bộ Chỉ Huy Viễn Thông QLVNCH do sự sát nhập của Cục Truyền Tin và Phòng 6 Bộ TTM. Cấp Chỉ huy cũng thay đổi từ Đại tá Tạ Thái Bình, đến Đại tá Nguyễn Tài Lâm, rồi Đại tá Phạm Văn Tiến. Cho đến tháng 10 năm 1973, khi Đại tá Tiến được đề cử đi học Cao Đẳng Quốc phòng thì tôi, sau 7 năm làm Cục Phó, đã được chỉ định làm Cục Trưởng Cục Truyền Tin kiêm CHT Binh Chung Truyền Tin Lục Quân và Đại tá Cao Mạnh Thắng làm Trưởng Phòng 6 Bộ TTM. Đến 1 tháng 3 năm 1975, vì nhu cầu cải tổ, Đại tá Thắng được bổ nhiệm làm Chỉ huy trưởng Trường Truyền Tin Vũng Tàu và tôi được chỉ định làm CHT Viễn Thông QLVNCH. Thật là một sự bất ngờ đối với tôi khi được bổ nhiệm vào chức vụ mới này. Bất ngờ vì lẽ tôi là người gia nhập binh chủng muộn màng nhất, mãi đến năm 1955 mới đi học điều chỉnh, hơn nữa về kỹ thuật cũng chẳng có bằng cấp kỹ sư, tiến sĩ gì; bởi vậy mà tôi suy luận là do Định Mệnh. Đã là Định Mệnh thì không thể chối bỏ được và tôi đã đem áp dụng những điều học hỏi được trong khi tham khảo cuốn sách Nho Giáo để viết tập khảo luận “Chữ Nhân Trong Nghệ Thuật lãnh Đạo” mà tôi đã đệ trình cho Trường Chỉ Huy Tham Mưu khi tôi tham dự khóa 6 Chỉ Huy Tham Mưu cao cấp và tôi đã tốt nghiệp thủ khoa khóa này. Tâm nguyện của tôi là phải thâm phục nhân tâm và khích động tinh thần phục vụ để đạt được hiệu năng tối đa, do đó mà tôi đã điều động hết các sĩ quan cấp Đại tá về Bộ Chỉ Huy để củng cố cơ quan đầu não của Binh Chung; các chức vụ như Trưởng Phòng 6 Quân Đoàn và Liên Đoàn Trưởng ở 3 trên 4 Vùng Chiến Thuật do các Trung tá đảm nhiệm để có điều kiện được thăng cấp.

Hai tháng 3 và 4/1975 là hai tháng rất dài đối với tôi vì một mặt công việc bề bộn thì hành việc cải tổ cho được vẹn toàn, mặt khác đúng vào lúc chiến sự bùng nổ. Ngày 10 tháng 3/1975 cộng sản tấn công Ban Mê thuật rồi sau đến các biến cố dồn dập xảy đến, mau chóng như “tâm ăn rỗi”. Tôi còn nhớ hôm cuối tháng 3/75 khi tôi ra Đà Nẵng thăm các đơn vị cùng ủy lạo một số gia đình binh sĩ ở bên Sơn Trà thì chiều tối được tin là Thị Xã Huế đã bị tràn ngập, khi đó ở phi trường Đà Nẵng đã bị hỗn loạn và tôi phải khó khăn lắm mới kiếm được chỗ máy bay trở về Sài Gòn và cũng chẳng ngờ hôm đó là lần cuối cùng mà tôi gặp được anh Phạm Kim Hưng, lúc đó là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 610 Khai Thác TT và anh cũng là người mà tôi rất quý mến từ hồi còn làm việc chung với nhau tại Sư đoàn 1 Bộ Binh. Trở về Sài Gòn vài ngày, tôi lại đi ra Nha Trang và Cam Ranh thăm các đơn vị Truyền Tin của Quân đoàn II lúc đó cũng đã nhốn nháo và đến tối khi đang dùng cơm với anh Đặng Văn Phi, Trung tá trưởng Phòng 6 QĐII cùng một số sĩ quan tham mưu thì được tin Đà Nẵng đã bị cộng sản cưỡng chiếm. Thật không ngờ tình hình biến chuyển quá mau đến như vậy! Trước tình trạng đó, một hôm vào khoảng trung tuần tháng 4/75, tôi có hỏi Đại tá Elmer Graham, mỗi buổi sáng vẫn đến dự thuyết trình của CMA tại BCH Viễn Thông, là về phía Hoa Kỳ có kế hoạch gì không trong trường hợp cộng sản tiến chiếm Thủ đô Sài Gòn? Ông ta hỏi lại tôi: “Ông có tư tưởng đầu hàng (surrender) sao?” Tôi trả lời: “Không phải vậy, nhưng qua các khóa học tôi đã được huấn luyện soạn thảo các kế hoạch với những giả thuyết chính xác để có thể tránh được yếu tố

bất ngờ và tôi nghĩ là trong trường hợp này cần phải có kế hoạch đứng đắn. Ông cũng nên hiểu là chúng tôi, không riêng gì tôi mà rất nhiều bạn hữu của tôi đã một phen hồi năm 1954 rời bỏ quê hương ở miền Bắc di cư vào Nam để tránh nạn cộng sản, bây giờ chúng tôi không ai muốn để tự mình bị lọt vào tay cộng sản được”. Nói vậy ông ta mới đồng ý là khi nào được “bật đèn xanh” sẽ thông báo cho tôi biết.

Những ngày đầu tháng 4/1975, ngồi tại văn phòng mà ruột gan tôi bời, nhất là có mấy lần nhận được điện thoại của một vài anh em chuyên viên đài ICS gọi thẳng cho tôi. Người thì hỏi phải đối phó ra sao trước tình hình chiến sự tại địa phương; có người xin phép cho đặt chất nổ để phá đài khi hữu sự, tôi đã giải thích là chúng ta có nhiệm vụ cung cấp liên lạc, việc phá hủy hay không thì phải tuân lệnh của cấp chỉ huy địa phương đó chứ mình không có quyền tự ý định đoạt, hậu quả sẽ không thể lường được; cũng có anh thì điện thoại cho tôi chỉ nói vấn đề cộng sản đã vào tới nơi, đang gọi ra tập hợp, xin chào vĩnh biệt! Quả thật tôi đã nhiều lần uất nghẹn đến ứa lệ, thật cảm động trước cảnh ác nghiệt đó mà phải bó tay, thương cho anh em vì công vụ mà phải cầm cự đến giờ phút chót. Mấy ngày sau, vào khoảng 20/4, Đại tá Graham mới cho tôi biết là ông ta đã xin riêng cho Truyền Tin mỗi ngày mấy chục chỗ máy bay để gửi gia đình di tản trước và tôi đã chuyển cho ông ta một số danh sách gia đình những SQ đã trực tiếp ngỏ ý muốn gửi gia đình đi trước. Mỗi ngày, sau buổi họp với Tướng Smith ở DAO, khoảng 9-10 giờ sáng, ông ta điện thoại cho tôi xác nhận số chỗ dành cho Truyền Tin trong ngày, tôi thông báo cho chủ gia đình theo thứ tự thời gian của các danh sách đã nộp cho tôi, không phân biệt cấp bậc hay chức vụ, bởi vậy mà một số gia đình đã được di tản; cũng có một vài gia đình đòi ý kiến vào phút chót nên không kịp trám vào chỗ trống và tôi đã bị Đại tá Graham can ngăn và có nói với tôi là ông ta đã phải cố gắng tranh đấu cho được tối đa vì SQ cố vấn Tổng Cục Tiếp Vận muốn giành chỗ rồi chia lại cho Truyền Tin, nhưng Đại tá Graham đã nêu lý do là Cục Truyền Tin đã tách rời khỏi TCTV và cải tổ thành Bộ Chỉ Huy Viễn Thông; hơn nữa, theo tổ chức của DAO thì Communications and Electronics (CE) Division ngang hàng với Logistics Division. Cũng có một vài bạn ái ngại không muốn gửi gia đình đi trước, mặc dầu tôi có khuyên giải thì đã yêu cầu tôi can thiệp với Đại tá Graham cho gửi thêm một người biết tiếng Anh để cùng đi với gia đình thì mới yên tâm. Tôi đề nghị và Đại tá Graham cũng đã đồng ý nhưng chưa kịp nộp danh sách thì kế hoạch di tản đã chấm dứt; đó cũng là trường hợp Đại tá Không Văn Tuyên mà tôi không khỏi ân hận là không giúp gì được vì quá muộn, giữa lúc đang ngồi nói chuyện ở văn phòng tôi thì phi trường Tân Sơn Nhất bị A37 ném bom.

Quả thực việc gửi gia đình đi trước là một quyết định liều lĩnh, phiêu lưu và táo bạo, thực tình phải có một lòng tin tuyệt đối vào Định Mệnh. Chính tôi cũng ở trong tình trạng phân vân, nan giải đó cho đến một hôm, hình như là 22/4, tôi đi dự cuộc họp “mật” với Trung tướng Đồng Văn Khuyên TMT/BTTM, cùng với Chuẩn tướng Trần Đình Thọ Trưởng phòng 3 Bộ TTM, Đại tá Hoàng Ngọc Lung Trưởng phòng 2 Bộ TTM, Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy TMT/Hải Quân để đặt kế hoạch thiết lập Bộ TTM nhẹ trên một tàu Hải Quân trong trường hợp Sài Gòn bị áp lực quá mạnh hoặc bị bao vây. Sau buổi

họp về suy nghĩ, mình có thể sẽ gặp trường họp TTM gọi lên họp và bắt thần bốc bằng trực thăng ra tàu Hải Quân thì chắc chắn gia đình sẽ bị kẹt lại. Do đó mà tôi đã dứt khoát quyết định là không còn cách nào khác hơn là phải gọi gia đình đi trước và gia đình tôi đã được xếp cho đi chuyến bay đêm 25/4/75. Sáng chủ nhật 27/4, TTM triệu tập họp vào lúc 9 giờ sáng, buổi họp được xếp loại “tối mật” và rất ngắn gọn. Trung tướng Khuyê nói: “tình hình chung rất bi đát, anh em chúng mình cùng nhau làm việc hàng ngày, đến giờ phút này mà không nói thì thật là bất nhân, tôi khuyên anh em nên thu xếp gửi gia đình đi trước, chúng ta ở lại sẽ dễ dàng xoay sở hơn. Anh em nên giữ tối mật, cùng lắm là nói với phụ tá của mình thôi”. Buổi họp tan mau chóng, ai nấy trở về nhiệm sở với tâm trạng buồn rầu, đau khổ. Lúc này cảm thấy quả thật mình chỉ là một hạt cát nhỏ bé, một cây sậy ẻo lả, chẳng làm gì để cứu vãn được tình thế, thôi thì đành ngoan ngoãn cúi đầu tuân theo Định Mệnh; tuy nhiên, đối với các cộng sự viên mình cũng đã giúp được một số gia đình đi di tản, trong khi chính gia đình anh em ruột thịt thì hơn 2/3 đã bị kẹt lại dưới gông cùm cộng sản khát máu, bất lương, vô nhân đạo.

Sáng 29/4 pháo kích thật nhiều, tặng sáng tôi sang Trung tâm Hành quân Bộ TTM. Và sau đó lên văn phòng Tham Mưu Trưởng TTM. Ở đó đến gần trưa thì ra bến Bạch Đằng và vào được Bộ Tư lệnh Hải Quân. Đi đến đâu tôi cũng gọi điện thoại về cho Đại tá Lê Hữu Tiên Chỉ Huy Phó và khi biết Đại tá Graham có điện thoại kiểm tôi, thì tôi nói: “Lát nữa tôi sẽ trở về văn phòng và sẽ gọi lại cho ông ta”. Sau khi thăm viếng Trung tâm Truyền Tin Hải quân cùng Trung tá Nguyễn Quang Đạt, Trưởng Phòng 6 Hải Quân, tôi trở về văn phòng ở Tân Sơn Nhất. Điện thoại gặp Đại tá Graham, ông ta ngó ý muốn nói chuyện riêng với tôi mà thôi, lúc đó có một số sĩ quan đang ở chung quanh, tôi yêu cầu họ sang phòng bên cạnh rồi nói chuyện với Đại tá Graham. Ông ta nói: “Chúng tôi được lệnh phải rời Sài Gòn nội trong đêm nay 29/4, ông tìm cách vào được DAO với 3 điều kiện sau đây, tôi sẽ sắp xếp chỗ cho ông di tản: 1- Không mang theo vũ khí. 2- Mặc thường phục. 3- Đi tối đa là 3 người thôi, nếu đông hơn tôi không bảo đảm là có đủ chỗ”. Đặt điện thoại xuống, anh em tràn vào hỏi thăm tin tức thì tôi nói: “tình hình nguy ngập lắm rồi, hôm nay là ngày chót, chắc chắn tôi sẽ phải đi nhưng không biết lúc nào, tôi sẽ ngồi đây đến giờ phút chót, các anh có phương tiện nào thì đi trước đi”. Đại tá Phạm Hy Dung nhanh miệng nói: “Trung tá Shaw mới liên lạc hẹn ra Building Hoàng Diệu, ông ta sẽ có xe đón đi”. Tôi bảo: “Vậy thì may quá, các anh đi đi, đừng đợi tôi”. Thế là nhóm anh em đó kéo nhau đi, tôi ngồi lại một lát, lấy một áo sơ-mi và một quần civil, bảo con rể mới cưới hồi tháng 12/74 làm như vậy và bỏ tất cả vào cặp của tôi. Văn phòng trở lại yên tĩnh, tôi cầm cặp đi qua văn phòng Chỉ huy Phó nói với Đại tá Tiên: “Tôi đi lên TTM họp” rồi ra xe jeep đi lên TTM, đến tòa nhà chánh thì gặp Đại tá Trưởng phòng TQT, từ văn phòng TMT đi xuống, tôi hỏi: “Xếp có ở văn phòng không?” Anh trả lời vẫn tắt: “Xếp đi rồi”. Tôi bắt tay anh bạn và đi vào Tân Sơn Nhất.

Đến cổng DAO thì còn thấy xe jeep của Tướng Khuyê vừa rời khỏi, trên xe có Thiếu tá Tấn SQ Tùy Viên. Lính gác Thủy Quân Lục Chiến Mỹ ngăn cản không cho vào DAO, tôi phải tranh luận một hồi, sau đó họ dẫn tôi đến chỗ có điện thoại để xác nhận với Đại

tá Graham. Sau khi Đại tá Graham ra lệnh cho họ để tôi vào, tôi trở ra xe jeep lấy cặp và đưa con rể tôi vào theo, vừa ra đến xe thì thấy Trung tá Trịnh Văn Phúc đã theo kịp vào đó; Tôi lấy giấy tờ chiếc xe Renault 4 của tôi và trong túi còn bao nhiêu tiền Việt Nam đưa cả cho anh Bùi Văn Tăng, tài xế xe jeep; sau đó anh ta tự ý về qua nhà anh ruột tôi ở Gia Định báo tin cho mẹ tôi biết là tôi đã đi thoát. Hai bố con tôi và anh Phúc đi vào Theater của DAO để thay đồ civil, anh Phúc không có nên Đại tá Graham phải trở vào lấy bộ đồ worsted của ông ta đem ra cho anh Phúc mặc, rồi ông ta đưa 3 chúng tôi vào xếp hàng chờ đợi lên trực thăng bay ra Đệ Thất Hạm Đội. Thế là tôi sắp bắt đầu một cuộc xuất ngoại bất đắc dĩ không passport và cũng không có một xu dính túi; anh Phúc thấy vậy cho tôi vay 20 đô, sau này mất liên lạc, tôi cũng đã nhiều lần hỏi thăm để tìm cách hoàn lại anh Phúc, mà đến nay vẫn chưa có kết quả, nếu tình cờ có bạn nào có tin tức của anh Phúc, làm ơn cho biết, tôi xin cảm ơn, bây giờ nếu có hoàn trả thì ít nhất cũng phải gấp đôi, cả vốn lẫn lời.

Chờ đợi khoảng vài tiếng mới đến lượt, khi trực thăng cất cánh, nhìn xuống Sài Gòn đỏ rực như một biển lửa, hai hàng nước mắt cứ tự động tràn ra mà không sao kìm hãm được! Trước khi chia tay với Đại tá Graham, tôi có yêu cầu ông giữ vững liên lạc với tôi, ông ta nói: “vì tôi không có ý định sinh sống trên lãnh thổ Hoa Kỳ nên tôi rất tiếc không giúp được gì cho ông và gia đình trong nếp sống mới nơi đất khách quê người. Chúc ông và gia đình may mắn”. Tôi nói với ông: “Tôi thành thực cảm ơn ông và không có ý tiếp tục nhờ vả ông, mà sự yêu cầu giữ vững liên lạc là chỉ để hàng năm cứ đến mùa Giáng Sinh tôi sẽ gửi đến ông một tấm card để tỏ lòng biết ơn đã giúp tôi đưa được gia đình đến bên bờ Tự do”. Và tôi đã giữ đúng lời hứa đó. Hàng năm, ông ta cũng gửi Christmas card cho tôi và đôi ba lần còn viết thư thăm hỏi về nếp sống mới của gia đình tôi trong cảnh ly hương, nơi miền đất lạ. Đến cuối tháng 4/1997 thì tôi ngỡ ngàng nhận được bản tin ngắn do bà Yoshiko Graham gửi cho tôi từ Okinawa, Japan báo cho biết ông Graham đã từ trần ngày 21 tháng 4 năm 1997, rồi tiếp theo đến ngày 5 tháng 6, 1997 bà Graham lại gửi cho tôi một thư mô tả đám tang ông Graham tại Okinawa.

Đến đêm 29/4 thì Đệ Thất Hạm Đội cho chuyển chúng tôi qua tàu đổ bộ và đưa ra chiếc tàu lớn Pioneer Commander, trong khi di chuyển tình cờ chúng tôi lại gặp anh Đặng Minh Đức (trước kia là Đại úy ở Tiểu đoàn Truyền Tin QĐI, lúc đó đã giải ngũ sang làm việc với USAID, 4 người chúng tôi đi cùng chuyến tàu đến Guam; tôi nghĩ thầm thật là Phúc Đức. Tới Guam, sau hơn 1 tuần tìm kiếm gia đình nhưng không gặp, hai bố con tôi cùng anh Phúc phải làm thủ tục vào đất Mỹ, xin được đến Camp Pendleton, nếu kiếm gia đình không thấy thì sẽ đi sang miền Đông sau. Anh Đức thì tình nguyện ở lại Guam làm thông dịch viên và đợi tin tức gia đình. Tính như vậy, nhưng vì California đông quá rồi nên họ tự động đưa đến Fort Chaffee, Arkansas. Khoảng 1 giờ trưa tới nơi, làm xong giấy tờ nhập trại, lãnh đồ ngủ, về lều tạm nghỉ. Đến chiều, sau bữa ăn, sẩm tối thấy bà con lũ lượt kéo nhau lên trung tâm trại để coi movie, tôi đi theo, lang thang được một chốc thì có tiếng gọi, quay lại nhận ra là Đại úy Hạnh trước kia ở Trung Tâm Điện Ảnh Truyền Tin, hỏi thăm anh Hạnh không có tin tức gia đình tôi; anh đưa tôi đến chỗ tạm trú

của gia đình anh Nguyễn Văn Chấn, anh Chấn đi vắng, chị Chấn không có tin tức gì và còn đang ngóng đợi anh Nguyễn Văn Thịnh, lúc đó cũng còn bất tin. Ở nhà anh Chấn ra, thấy một đám trẻ đang chơi đùa và trời vừa tối nên chúng tản ra về, nhìn kỹ nhận ra hai cháu trai con cô em ruột nhà tôi, theo chúng về nhà gặp cô và được cô dẫn đến nơi tạm trú của gia đình tôi. Giữa một căn trại cả mấy chục ngàn người tỵ nạn mà chỉ trong vòng 6 đến 7 tiếng đồng hồ gia đình tôi được sum họp đầy đủ. Thật là may mắn bất ngờ, khiến tôi lại càng tin tưởng vào Định Mệnh.

Nhớ lại hồi xưa, lúc tôi còn làm Cục Phó Cục Truyền Tin thường hay cắm trại, nhất là sau vụ Mậu Thân 1968, những buổi tối nhiều thì giờ rảnh rỗi, tôi thường hay la cà gặp anh em nói chuyện cho vui và cũng để thông cảm nhau hơn. Tôi có nói với một số bạn trẻ cấp Úy là: “Anh em còn trẻ, nay có nhiều dịp để đi du học hoặc đi học ở Trường Cao Đẳng Điện Học Phú Thọ thì nên cố gắng đi học thêm cho có tương lai, bản thân tôi chỉ ít năm nữa về hưu, giải ngũ sẽ không đủ điều kiện mà tranh đua với các kỹ sư trong đời sống dân sự được”. Người đáng làm gương sáng cho cả Binh Chung là anh Lữ Phúc Bá đã dày công bên chí vừa đi làm vừa đi học mà đã tốt nghiệp bằng Tiến Sĩ Điện Tử tại Hoa Kỳ, thật đáng khâm phục, về tư cách tác phong cũng rất đáng kính trọng.

Biến cố 30/4/75 xảy đến, bằng cách này hay cách khác, những Người Việt di tản đi khắp bốn phương trời, biết bao người đã thành công rực rỡ. Chẳng nói đâu xa, tôi có người em rể họ trước kia làm Nhân viên Dân chính ở Cục Truyền Tin Bùi Đình Thịnh, nay ở San Jose cũng đã là một người thành công trong giới doanh thương. Nhiều lần tôi đến sinh hoạt với anh em Trường Truyền Tin, tôi đã có lần thành thực tỏ bày với anh em là qua nhiều dịp tôi đến nhà các anh như Phạm Đức Tú (thường cho mượn nhà làm địa điểm họp), anh Nguyễn Văn Mười, anh Văn Nhân, v.v. tôi thấy nếu so sánh với căn nhà lưu động (mobile home) của tôi thì thật là một trời một vực, nhưng tận mắt được chứng kiến những gương thành công, tôi chúc mừng cho các bạn đó với tất cả tấm lòng cảm mến.

Nhờ có lòng tin vào Định Mệnh mà qua bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời, cay đắng, ngọt bùi đủ cả mà “thắng không kiêu, bại không nản” nên dù hoàn cảnh nào cũng vượt qua được. Hồi năm 1975, khi mới di tản qua đây, đã toan định cư ở Ohio rồi đến Illinois, nhưng số phận đẩy đưa, đã lưu lạc một lần nữa đến California. Những năm đầu cuộc đời lưu vong cũng khá nhiều gian truân với một gia đình 10 người lớn, bé, già, trẻ (cháu ngoại đầu tiên sinh tại Ohio tháng 10/1975) nhưng dù sao thì nhờ ơn Thượng Đế đã ban cho khá nhiều may mắn so với bao nhiêu bạn đồng đội đã bị kẹt lại dưới gông cùm của bọn độc tài, khát máu cộng sản, đã bị chà đạp, hành hạ từ tâm hồn đến thể xác, biết bao hoàn cảnh bi đát thương tâm, kể sao cho xiết!

Ngày nay, kiểm điểm lại, tuy “trông lên thì chẳng bằng ai, nhìn xuống thì chẳng ai bằng mình” nhưng tâm trạng chung của những người tỵ nạn vẫn còn là, sau gần 3 thập niên, chưa được thấy Tự do Dân chủ trên quê hương yêu dấu và những người bị thiệt hại hơn cả vẫn là những thương phế binh, cô nhi quả phụ Tử sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

còn sống lây lất trên khắp nẻo đường đất nước. Thật là Định Mệnh an bài, mỗi người mỗi phận, chẳng ai thoát khỏi bàn tay vô hình của Thượng Đế./.

Viết xong vào mùa Tạ Ôn 2002,
BÙI TRỌNG HUỲNH

***** 📖 *****

MÁY DÒNG VIẾT THÊM

(đăng trong Đặc San Trần Nguyên Hãn số 10 phát hành tháng 1/2004)

Khoảng thời gian này năm ngoài, tôi viết bài Định Mệnh để góp phần vào Đặc San Trần Nguyên Hãn số 9, phát hành đầu năm 2003 (Quý Mùi) và cũng để giải bày tâm sự của mình với các bạn hữu Truyền Tin mà tôi đã có dịp chia sẻ ngọt bùi, đắng cay, vui buồn suốt 20 năm trong quân ngũ. Viết ra trong khung cảnh thời gian này cũng nhằm thời kỳ mà đa số anh em bạn hữu tuy tuổi tác đã cao nhưng đầu óc còn minh mẫn nên còn có cảm xúc và còn đủ trí nhớ để kiểm điểm lại những việc đã xảy ra trong quá khứ. Chỉ tiếc rằng tôi không có năng khiếu về viết văn nên không sáng tác ra được một tác phẩm đặc sắc, mà chỉ viết ra một câu chuyện rất tóm lược qua một số dữ kiện rất hạn chế còn nhớ được trong trí óc gần tàn lụi của mình.

Sau khi Đặc San được phổ biến, tôi có nhận được điện thoại của một số bạn hữu với sự thân tình và lòng thành thật đã cho biết ý kiến cũng như nhắc nhở những dữ kiện mà khi trước tôi đã vô tình thiếu sót. Xin đa tạ.

Anh L.K.H. có nhắc đến thời kỳ vào khoảng đầu năm 1961 các đơn vị Truyền Tin Điện Địa được cải tổ để thành lập các Liên đoàn Truyền Tin:

LD61TT ở Vùng I Chiến Thuật/Quân khu I (miền trung),
LD62TT ở Vùng II CT/Quân khu 2 (miền Cao Nguyên và Duyên Hải), và
LD63TT ở Vùng III CT/Quân khu 3 (toàn thể miền Nam).

Hội đó **LD63TT** là một đơn vị lớn nhất Binh Chung gồm có **Tiểu đoàn 630** Khai Thác TT mà BCH đóng ở Phú Thọ, và 2 **Tiểu đoàn 631 và 632** Yểm Trợ Truyền Tin (một đồn trú ở Phú Thọ và một đồn trú ở Vĩnh Long). Rời khỏi BCH Viễn Thông Quân Khu Thủ Đức, tôi được bổ nhiệm làm Liên Đoàn trưởng LD63TT từ lúc bắt đầu thành lập, và đến 26-10-61 thì tôi được vinh thăng Thiếu tá. Một buổi tối, sau bữa cơm chiều với gia đình, tôi nhận được điện thoại: “-Đại úy Huỳnh, tôi nghe.” đầu dây bên kia là tiếng nói của Trung tá Võ Đại Khôi Chỉ huy trưởng Viễn Thông QLVNCH (sau này là Đại tá) “Tôi không nói chuyện với Đại úy Huỳnh, mà muốn nói chuyện với Thiếu tá Huỳnh”. “-Dạ tôi nghe đây”. “Moi” báo tin mừng, “Toi” được thăng cấp kỳ này. Ông Cụ (Tổng Thống Ngô đình Diệm) vừa mới ký sắc lệnh chiều tối nay”. “Xin cảm ơn Trung tá”. Cuộc điện thoại chấm dứt, tôi hết sức ngỡ ngàng vì thực sự mà nói, được đề nghị lúc nào tôi cũng không hay biết. Vào thời kỳ ấy, việc thăng cấp thật là khó khăn. Thăng thưởng lần đó cả binh chủng Truyền Tin được có 5 Thiếu tá, tôi còn nhớ ngoài tôi ra còn có anh Vũ Duy Tạo và 3 sĩ quan khác cùng khóa 3 Đà Lạt với anh Võ Đại Khôi là các anh Cao Mạnh Thắng, Nguyễn Hữu Mai và Hoàng Hữu Gia. Theo lời đồn đại, mà tôi nghĩ cũng chưa hẳn là đúng, về điều kiện để được thăng cấp, ngoài những yếu tố như thâm niên cấp bậc, chức

vụ, v.v. còn phải là người Trung, Công Giáo và tham gia đảng Cần Lao; nhưng riêng cá nhân tôi thì hoàn toàn không có những điều kiện “ngoại lệ” kể trên, mà mấy bạn kia thì cũng gần như tôi. Bởi vậy mà tôi vẫn nghĩ rằng lời đồn đại nhiều khi sai lạc không đúng sự thật.

Định Mệnh an bài, khoảng giữa năm 1962, Trung tá Võ Đại Khôi gọi tôi lên văn phòng BCH/VT trình diện và cho biết muốn chỉ định tôi ra Đà Nẵng làm Liên đoàn trưởng LD61TT thay thế Đại úy Nguyễn Văn Kha lần nữa (lần trước ở SĐ1BB năm 1957) đang gặp khó khăn với BCH 1 Tiếp Vận mà Chỉ huy trưởng là Đại tá Lê Huy Luyện, và cũng vì muốn đặt một sĩ quan cấp Thiếu tá để chỉ huy Liên đoàn TT cho cân xứng với Liên đoàn 81 Quân Cụ do Thiếu tá Hồ Chung chỉ huy. Một lý do nữa mà Trung tá Khôi cũng nêu ra để thuyết phục tôi phải nhận lời, là làm việc ở miền Trung cần phải khôn khéo, tế nhị và tin tưởng là tôi có khả năng gây lại uy tín cho binh chủng ở Quân Khu 1 để anh em Truyền Tin lên tinh thần. Thật ra thì cũng không hẳn là khó khăn gì, chẳng qua là có một số “ông trời con” ý thế hống hách xì xằng, nhưng mình cứ làm việc đàng hoàng, giữ tư cách đứng đắn thì “cây ngay không sợ chết đứng”. Chẳng hạn có một lần tôi đụng chạm với Trung Tá T.N.C. Thị trưởng Đà Nẵng, về vấn đề điện thoại Viễn Liên Đà Nẵng-Sài Gòn, nhưng kết quả rồi cũng êm xuôi chẳng làm gì được nhau và cũng “huề cả làng”. Một việc khác xảy đến như sau: Hồi đó tôi đang giữ chức vụ Liên đoàn trưởng LD61TT kiêm nhiệm Trưởng Phòng 6/QĐ1, một hôm Đại úy Phạm Xuân Mai (sau là Trung tá và đã qua đời) Tiểu đoàn trưởng TD611 Yểm Trợ TT đến kiểm tôi và cho biết là BCH1TV dự trù trưng dụng “hangar” Ban Quân Xa Tiểu đoàn, xây tường ngăn cách để làm rạp hát cho các gánh hát cải lương thuê mượn để gây quỹ cho Phong trào. Đại úy Mai phản đối vì lý do an ninh nhưng đã bị coi thường và nhờ tôi tìm cách can thiệp. vì TD611YTTT trực thuộc LD61TT tất nhiên tôi có trách nhiệm phải can thiệp vào, đây là một vấn đề thuộc địa phương nên BCH Viễn Thông ở quá xa không tiện can thiệp. Nhân tôi đang kiêm nhiệm Trưởng Phòng 6/QĐ1 lại có Đại úy Võ Trịnh Trọng làm Phó, tôi kể chuyện lại cho anh Trọng nghe TD611YTTT là một kho vật liệu TT cả về tồn trữ lẫn sửa chữa, nếu chẳng may bị phá hoại thì thật là một đại họa cho cả V1CT. Đại úy Trọng là người thân tín của Thiếu tướng Lê Văn Nghiêm, Tư lệnh QĐ1 và V1CT, hàng ngày thường đến tư dinh kèm dạy học cho các con vị Tư Lệnh, do đó chỉ còn một cách là dụ cho anh Trọng nói việc đó đến tai vị Tư Lệnh, vì trong chức vụ Trưởng Phòng 6 tôi chỉ giao thiệp với Bộ Tư Lệnh về công vụ mà không phải là người thân tín như Đại úy Trọng. Anh Trọng đã vui lòng ủng hộ ý kiến của tôi và trình riêng với Thiếu tướng Nghiêm (sau này là Trung Tướng). Vài ngày sau, Đại tá Đặng Văn Quang (sau này là Trung tướng) lúc đó làm Tham mưu trưởng QĐ1 gọi tôi lên văn phòng hạch hỏi tại sao dám trình thẳng việc đó với Thiếu tướng Tư Lệnh? Tôi trả lời: “Thưa Đại tá tôi không đích thân gặp Thiếu tướng để trình về việc này, xin Đại tá cứ hỏi thẳng Thiếu tướng để biết về việc này”. Sau đó Đại tá Quang cũng biết là Thiếu tướng có “ăng ten trong Truyền Tin” và kết quả cũng êm đẹp, không ai bị liên lụy mà TD611YTTT được để yên. Tôi thâm nghĩ quả là mình có quý nhân phù trợ.

Một vài bạn có hỏi tôi tại sao những tấm hình kèm theo bài Định Mệnh đều liên hệ đến Mỹ. Đúng vậy, đó là một số hình ảnh duy nhất trước 75 mà tôi còn lưu lại được, nguyên do vì khi gửi gia đình tôi đi trước vào đêm 25/4/75, tôi có đưa cho vợ tôi những tấm hình đó với bản tuyên dương (citation) US Bronze Star Medal để nếu rủi ro có bị thất lạc, một phần là còn giữ được một chút kỷ niệm, phần khác khi cần thiết có thể dùng thứ đó để chứng minh là gia đình quân nhân trong QLVNCH, đồng minh với Hoa Kỳ. Đó là phòng xa ở bước đường cùng và cũng thông thường theo lẽ sinh tồn vậy thôi. Riêng cách đối xử với người Mỹ thì từ trước đến nay tôi vẫn giữ quan niệm cố hữu theo Nho Giáo “tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư yên, trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi”. Tạm dịch là: “ba người đi cùng với nhau lựa người tốt mà theo, còn người xấu thì biết mà sửa”.

Hồi trước 75 khi còn làm Đơn vị Trưởng thường các phái đoàn thanh tra có Cố Vấn Mỹ hay “bới lông tìm vết” tôi hỏi họ nếu QLVNCH không bảo toàn đúng mức thì các Tổng đài OKI của Nhật thiết trí từ bao năm nay vẫn chạy tốt? Các anh (cố vấn Mỹ) hãy về công trại Long Bình đón những xe jeep của đơn vị Mỹ mà thanh tra xem có bảo toàn tốt hơn xe của các đơn vị Việt Nam không? Khoảng cuối năm 1974, có một lần Chuẩn tướng Albright trước kia làm Chỉ huy trưởng Lữ đoàn 1 Truyền Tin Hoa Kỳ (1st Signal Brigade) ở Long Bình có sang Việt Nam, ông ta có xin đến thăm A.M.S.F. thấy một nửa kho tồn trữ vật liệu rời nay được dọn dẹp sạch sẽ và ngăn vách lửng làm phòng học tập, ông ta hỏi lý do và bất bình. Tôi nói là AMSF được cấp một building khác cách xa đây để tồn trữ, sợ dĩ phải phân tán như vậy để phòng khi bị pháo kích hay phá hoại thì còn dự trữ. Tuy nhiên ông ta vẫn tỏ vẻ không đồng ý và không bằng lòng. Nhưng thử hỏi lúc đó người Mỹ đã rút quân và sắp bỏ Việt Nam, vậy còn gì nữa mà cũng muốn xía vô? Thật khó chịu. Còn đối với cá nhân Đại tá Graham, tôi cũng biết ông ta là người khó tính và chính ông ta đã hỏi ngược lại tôi là “có tư tưởng đầu hàng (surrender) sao?” khi tôi đề cập với ông ta đến việc di tản nếu tình hình biến chuyển bất lợi. Nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn nhớ ơn ông ta là người đã giúp phương tiện cho gia đình tôi và riêng tôi đến được bến bờ Tự do để có cơ hội lập lại cuộc đời.

Trong bài viết kỳ trước tôi có nêu trường hợp anh Trịnh Văn Phúc đã là bạn đồng hành với tôi từ Tân Sơn Nhất đến khi đặt chân đến trại ty nạn Fort Chaffee, Arkansas. Theo anh Phúc cho biết là vào lúc quá trưa, đói bụng quá, anh trở về phòng nấu bát mì gói ăn, ăn vội ăn vàng xong trở lên văn phòng tôi mà lúc trước có một số anh em đang trông ngóng, bàn tính tìm cách di tản, thì thấy vắng vẻ, anh nghĩ bụng “miếng ăn là miếng nhục, đói bụng chạy về phòng một lát, mà bị bỏ rơi”. Anh chán nản lấy xe jeep đi ra ngã Tiểu đoàn TT/TTM (lối ra từ Nghĩa Trang Bắc Việt) vừa ra đến đường cái dẫn vào phi trường dân sự Tân Sơn Nhất thì nhìn thấy xe jeep của tôi đi từ Bộ TTM vào ngã cầu lạc bộ Không Quân Huỳnh Hữu Bạc, tới đó công đóng có kẽm gai dày đặc, tôi quay trở ra và đi vào lối công chính vào Bộ Tư Lệnh Không Quân (Lăng Cha Cả), vì thế mà xe jeep anh Phúc đuổi kịp xe jeep của tôi và chạy theo sau cho đến công vào DAO. Sau khi tôi thương lượng xong được với TQLC Mỹ canh gác và Đại tá Graham can thiệp cho vào thì

anh Phúc đi cùng chúng tôi và vừa đủ 3 người như Đại tá Graham ra điều kiện. Còn số anh em khác khi rời văn phòng tôi đi đến địa điểm mà Trung tá Shaw nói tới thì lại kém may mắn hơn trường hợp anh Phúc và sau này được biết cũng đã gặp khá nhiều gian truân trong lúc tìm đường đi di tản. Quả thật mỗi người đều có số phận riêng của mình! Cách nay vài tháng tôi đã liên lạc qua điện thoại lại được với anh Trịnh Văn Phúc, hiện đang định cư bên miền Đông Hoa Kỳ, nhờ tin tức do anh Vũ Duy Tự cho, tôi thật cảm ơn anh Tự và cũng rất vui mừng qua câu chuyện với anh Phúc sau hơn 28 năm mất liên lạc. Hàn huyền tâm sự khá lâu, thăm hỏi tin tức sau một thời gian dài xa cách. Tôi có đề cập đến việc anh đã cho tôi vay 20 dollars lúc sắp bước chân lên trực thăng bay ra Đệ Thất Hạm Đội, bắt đầu cuộc xuất ngoại bất đắc dĩ, nhắm mắt tuân theo Định Mệnh, anh cười và nói là đã “xoá sổ” từ lâu rồi, việc gì thì nên ghi nhớ chớ việc đó có đáng gì mà phải bận tâm. Anh thì quên được nhưng tôi làm sao quên được, tôi vẫn canh cánh bên lòng từ 28 năm rồi, cần tìm một giải pháp cho ổn thỏa, đẹp đẽ. Sau cùng hai bên đã thỏa thuận một phương thức để giải tỏa nỗi thắc mắc cho tôi còn đối với anh thì cũng coi như chuyện cũ đã quên đi thôi, tất nhiên là có người thứ ba được chứng kiến sự việc giải quyết ra sao.

Trải qua nhiều thập niên chiến tranh ý thức hệ trên quê hương yêu dấu, và gần 30 năm đi tìm Tự do rồi sống lưu vong nơi đất khách quê người, nếu muốn viết những câu chuyện về Định Mệnh thì biết bao giấy bút cho vừa? Nhưng không thể tin vào Định Mệnh mà “nằm chờ sung rụng”, đời là một cuộc phấn đấu dài, hãy dồn hết tâm trí, sức lực vào công việc mình theo đuổi, tuy nhiên, “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” kết quả thành hay bại hãy đặt lòng tin vào số mạng để “thắng không kiêu, bại không nản”.

Để kết luận, tôi xin mạn phép trích lá thư mà Đại tá Nguyễn Hữu Phụng, Trưởng Phòng 6/QĐIII đã viết cho tôi ngày 11 tháng 1 năm 1996 sau một thời gian đến định cư tại Seattle WA.

“...Hồi tưởng lại ngày 27 tháng 2 dl, 1971 nhờ cú điện thoại của anh gọi từ P6/TTM lúc 9:15G lên BCH/HQ/QĐIII ở Tây Ninh để nói chuyện với tôi về việc Đại tá Tiến dự định gọi nhóm SQTТ lên Tây Ninh để liên lạc với tôi thu thập tin tức, kinh nghiệm về Truyền Tin trong các cuộc hành quân vượt biên của QĐIII. Sau khi nói chuyện điện thoại với anh xong, khoảng gần 9:30G, tôi vừa mặc áo giáp, đội nón sắt, xách túi tài liệu đi bay ra tới cửa TTHQ/QĐIII thì vừa đúng lúc xe của cố Đại tướng Trí và xe Truyền Tin của cố Trung tá Trần Minh Châu TĐT/TĐTT/QĐIII vừa lăn bánh, cho nên tôi không tháp tùng đi bay với Đại tướng Trí được. Sau đó chừng 10 phút, vào khoảng 9:40G thì tai nạn máy bay rớt và cháy, chết tất cả 10 người (cố Đại tướng Trí, cố Đại tá Sĩ, cố Trung tá Châu, cố Thiếu tá Tuấn, 2 cố Thượng sĩ TT và CTCT và phi hành đoàn 2 SQ và 2 HSQ) thêm một phóng viên chiến trường Mỹ Francois Sully bị bẻ đầu, ngất xỉu và chết tại bệnh viện Mỹ ở Long Bình 3 giờ sau khi được tản thương. Thật may mắn cho tôi được thoát khỏi tai nạn này nhưng cũng rất buồn cho binh chủng đã mất đi cố Trung tá Châu TĐT/TĐTT/QĐIII và một cố Thượng sĩ Trưởng Đai VTĐ của TĐTT/QĐIII. Tôi mất đi

một người bạn, một người cộng sự viên tài giỏi đặc lực. Cố Trung tá Châu đã chết thay tôi, để lại vợ góa và 5 đứa con khờ dại mà lúc nào tôi vẫn thương nhớ, biết ơn anh Châu! Thôi thì mỗi người trong chúng ta đều có số mạng. Chúng ta những người còn ở lại luôn luôn thương tiếc và nguyện cầu cho vong linh các chiến hữu bạc mệnh sớm siêu thoát về cõi Niết Bàn”.

Đây chỉ là một trong muôn vàn trường hợp xảy ra qua cuộc chiến Việt Nam, hy vọng rằng sau Đại Hội Toàn Quân 2003, Hội Đồng Đại Diện Tập Thể Chiến Sĩ VNCH sẽ có chương trình giúp đỡ các cô nhi quả phụ và đặc biệt là các Thương phế binh VNCH một cách hiệu quả hơn cũng như can thiệp cách nào đó để các mộ phần Chiến Sĩ VNCH ở quê nhà được tôn trọng đúng mức. Mong lắm thay!

*Viết xong vào mùa Tạ Ôn 2003,
BÙI TRỌNG HUỖNH*

(Ghi chú: vì các hình in trong Đặc San Trần Nguyên Hãn số 9, tháng 1/2003 mờ không rõ, nên người đánh máy lại bài Định Mệnh đưa lên Trang Nhà TT QLVNCH không thể scan để đưa xen kẽ như trong bài nguyên thủy được, mong bạn đọc thứ lỗi. Nguyễn-Huy Hùng)

Hình dưới đây Bồ câu Niên trưởng Bùi Trọng Huỳnh trao quà đến 3 quả phụ của các chiến hữu truyền tin.



*Nguồn: Ban Kỹ Thuật sưu tầm
<https://sites.google.com/site/truyentinglvnch/dinhmenhbth>*

*Đăng ngày Thứ Ba, September 8, 2015
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*